



lpard

AGRO@NFO

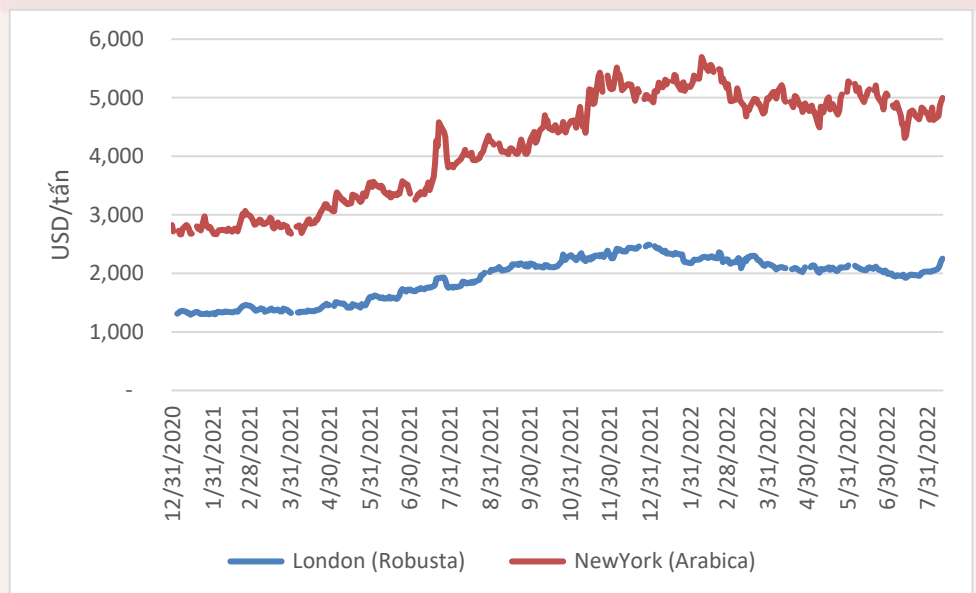
Tuần 32
(08.08.2022 – 12.08.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T9/2022 tăng 5,99% so với tuần trước lên mức bình quân 2.156 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2022 tăng 2,73% so với mức giá tuần trước lên mức bình quân 4.831 USD/tấn.
- ❖ Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 6 đạt 11,1 triệu bao (loại 60 kg/bao), tăng 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái.
- ❖ Nam Mỹ là khu vực xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022 với 42,3 triệu bao, giảm 8,5%.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.156 USD/tấn, tăng 5,99% so với tuần trước, và tăng 17,45% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.252 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.071 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.831 USD/tấn, tăng 2,73% so với mức giá tuần trước và tăng 19,80% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.996 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.670 USD/tấn.

Số liệu của ICO cho thấy, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 6 đạt 11,1 triệu bao (loại 60 kg/bao), tăng 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế trong 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022 (từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022) xuất khẩu đạt 98,8 triệu bao, tăng nhẹ 0,5% so với 98,3 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2020-2021. Riêng cà phê arabica chiếm hơn 62% tỷ trọng với 61,4 triệu bao, giảm 2,7%; ngược lại xuất khẩu cà phê robusta tăng 6,2% lên 37,4 triệu bao.

Nam Mỹ tiếp tục là khu vực xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022 với 42,3 triệu bao, giảm 8,5%.

Trong giai đoạn này, các lô hàng xuất khẩu của Brazil giảm 14,2%, xuống chỉ còn 29,5 triệu bao. Brazil đã thu hoạch một vụ mùa nhỏ hơn do “trái vụ” cà phê arabica, trong khi xuất khẩu liên tục phải đối mặt với tình trạng thiếu container cũng như cước phí tăng cao.

Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê của Brazil đang cho thấy sự phục hồi trở lại do các vấn đề về container và vận chuyển tiếp tục được cải thiện. Trong tháng 5 và tháng 6, xuất khẩu cà phê arabica Brazil lần lượt tăng 6,2% và 2,3% sau 10 tháng tăng trưởng âm liên tiếp.

Khối lượng xuất khẩu cà phê của Colombia cũng giảm 1,6% trong 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022, đạt 9,2 triệu bao. Chủ yếu do điều kiện thời tiết bất lợi kéo dài làm giảm nguồn cung cà phê của nước này.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu cà phê của khu vực châu Á và châu Đại Dương tăng mạnh 17,3% trong 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022, lên mức 34,4 triệu bao. Tính riêng trong tháng 6 xuất khẩu của khu vực này đạt 3,6 triệu bao, tăng 9,4%.

Trong đó, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 6 tăng 12,9% lên gần 2,4 triệu bao và sau 9 tháng tăng 20% lên 22,8 triệu bao.

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ trong tháng 6 giảm 1,3% xuống 0,6 triệu bao, nhưng tính chung 9 tháng tăng 31% lên 5,5 triệu bao. Trong khi đó, xuất khẩu của Indonesia tăng

15,8% trong tháng 6 lên 0,5 triệu bao, nhưng tính chung 9 tháng giảm 2% xuống 5 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê của khu vực châu Phi đạt gần 1,4 triệu bao trong tháng 6, giảm 2,4% so với cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu niên vụ, xuất khẩu của khu vực này đạt 10 triệu bao, giảm từ mức 10,2 triệu bao của cùng kỳ vụ 2020-2021.

Điều kiện thời tiết bất lợi, hạn hán tiếp tục góp phần làm giảm 14,6% sản lượng xuất khẩu của Uganda trong tháng 6 và sau 9 tháng đầu niên vụ ghi nhận mức giảm 5,4%. Xuất khẩu của Tanzania cũng giảm 2,3% trong 9 tháng đầu niên vụ, xuống 0,8 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu của Ethiopia tăng 14,5% lên 2,75 triệu bao.

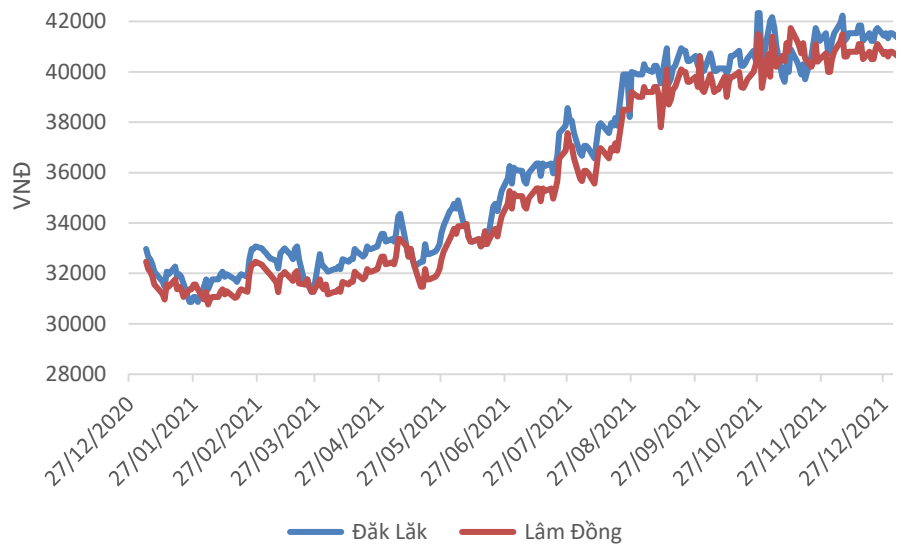
Còn tại Trung Mỹ và Mexico, trong tháng 6 xuất khẩu cà phê của khu vực này giảm 16,9% xuống 1,8 triệu bao. Lũy kế trong 9 tháng đạt 12,1 triệu bao, giảm 3,7%. Sự sụt giảm này chủ yếu là do xuất khẩu từ Honduras, nước sản xuất lớn nhất trong khu vực giảm mạnh 33,5% trong tháng 6, xuống còn 0,5 triệu bao. Tính chung 9 tháng đầu niên vụ 2021-2022, xuất khẩu cà phê của Honduras chỉ đạt 3,8 triệu bao, giảm 15,5% so với cùng kỳ vụ trước.

Lượng mưa ít hơn trong thời kỳ đậu quả tại một số vùng trồng cà phê, cũng như tỷ lệ mắc bệnh gỉ sắt cao do hậu quả của các cơn bão Eta và Iota vào năm 2020 là nguyên nhân chính khiến sản lượng của Honduras giảm.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 45.833 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 45.400 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 3,96% so với tuần trước lên mức 2.169 USD/tấn.
- ❖ Sản lượng cà phê niên vụ 2021/2022 đạt 1,5 triệu tấn (hơn 95% sản lượng là cà phê Robusta), thấp hơn so với 1,62 triệu tấn trong niên vụ 2020/2021.
- ❖ Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang khu vực châu Âu và châu Á giảm so với quý 1/2022, nhưng xuất khẩu sang khu vực châu Mỹ tăng 33,2%; châu Đại Dương tăng 12,1%; châu Phi tăng 11%.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 45.833 đồng/kg, tăng 3,87% so với tuần trước và tăng 22,20% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 3,13% so với tuần trước, lên mức bình quân 45.400 đồng/kg và tăng 24,36% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.169,4 USD/tấn, tăng 3,96% so với tuần trước.

Theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam, sản lượng cà phê năm 2022 thấp hơn năm 2021 do năng suất thấp. Sản lượng cà phê niên vụ 2021/2022 đạt 1,5 triệu tấn (hơn 95% sản lượng là cà phê Robusta), thấp hơn so với 1,62 triệu tấn trong niên vụ 2020/2021.

Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đối mặt với khó khăn do căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu và chính sách “zero Covid” của Trung Quốc. Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong quý 2/2022 đạt xấp xỉ 437.200 tấn, trị giá trên 1 tỷ USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 14,1% so với quý 1/2022, nhưng so với quý 2/2021 tăng 12% về lượng và tăng 35,6% về trị giá.

Trong quý 3/2022, Việt Nam vẫn còn khoảng 500.000 tấn cà phê để xuất khẩu. Tuy nhiên, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều khó khăn.

Quý 2/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang khu vực châu Âu và châu Á giảm so với quý 1/2022, nhưng xuất khẩu sang khu vực châu Mỹ tăng 33,2%; châu Đại Dương tăng 12,1%; châu Phi tăng 11%. So với quý 2/2021, xuất khẩu cà phê sang tất cả các châu lục tăng. Trong đó, tốc độ xuất khẩu sang châu Đại Dương tăng cao nhất (tăng 134,6%); châu Á thấp nhất (tăng 8,2%).

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê sang Mỹ tăng mạnh. Quy mô thị trường cà phê Mỹ tăng trưởng trong vài năm gần đây và dự kiến sẽ tăng trưởng tốt, bình quân 6,74% trong giai đoạn 2020 – 2027.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu cà phê của Mỹ đạt 3,94 tỷ USD, tăng 53,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Mỹ nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 143,82 triệu USD, tăng 40%.

Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Mỹ chiếm 3,64% trong 5 tháng đầu năm 2022, thấp hơn so với thị phần 3,99% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Đắk Lắk là một trong những tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất nước ta. Cà phê là sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong cơ cấu kinh tế và là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn kim ngạch xuất khẩu hằng năm của Đắk Lắk. Diện tích cà phê năm 2021 của Đắk Lắk là 213.336ha, chiếm khoảng 60,28% diện tích gieo trồng cây lâu năm của tỉnh, năng suất trung bình 26,34 tạ/ha, sản lượng đạt 526.613 tấn, kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt khoảng 366 triệu USD. Cà phê Đắk Lắk được xuất khẩu sang 72 nước với những thị trường chính như: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Italy, Thụy Sĩ, Đức...

Cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có giá trị về văn hóa, du lịch. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng đông du khách đến tham quan du lịch tại Đắk Lắk.

Để tiếp tục triển khai Chương trình TCCP, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 3262/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch TCCP giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích tái canh 24.441,78ha; trong đó, bình quân hằng năm tỉnh sẽ tái canh khoảng 4.800ha.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://danviet.vn/viet-nam-con-500000-tan-ca-phe-xuat-khau-trong-quy-3-gia-ban-se-the-nao-20220808110942029.htm>
8. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/tai-can-h-ca-phe-huong-den-san-xuat-ben-vung-702692>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	44,400	44,700	45,400	44,700	47,800	45,400	1380
Bảo Lộc	44,400	44,700	45,400	44,700	47,800	45,400	1380
Di Linh	44,400	44,700	45,400	44,700	47,800	45,400	1380
Lâm Hà	44,400	44,700	45,400	44,700	47,800	45,400	1380
ĐẮK LẮK	44,833	45,133	45,833	45,133	48,233	45,833	1707
Cư M'gar	44,900	45,200	45,900	45,200	48,300	45,900	1640
Ea H'leo	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1740
Buôn Hồ	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1740
GIA LAI	44,733	45,033	45,733	45,033	48,133	45,733	1640
Pleiku	44,700	45,000	45,700	45,000	48,100	45,700	1640
Chư Prông	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1640
La Grai	44,700	45,000	45,700	45,000	48,100	45,700	1640
ĐẮK NÔNG	44,750	45,050	45,750	45,050	48,200	45,760	1650
Đắk R'lấp	44,700	45,000	45,700	45,000	48,200	45,720	1660
Gia Nghĩa	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1640
KON TUM	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1640
Đắk Hà	44,800	45,100	45,800	45,100	48,200	45,800	1640
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,098	2,128	2,150	2,200	2,271	2,169	83

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn